

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ASP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên
	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
	Ông Jimba Kentaro	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/4/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Số: 308/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

Nguyễn Thị Minh Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		537.338.181.366	328.202.274.454
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	61.960.539.248	56.745.784.751
1. Tiền	111		61.960.539.248	56.745.784.751
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	127.860.000.000	32.275.600.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		127.860.000.000	32.275.600.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.148.069.109	187.914.709.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	194.949.429.432	166.936.835.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.514.081.546	4.516.841.816
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	10.600.000.000	3.684.604.375
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	48.445.077.265	16.138.146.446
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(3.361.719.134)	(3.361.719.134)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.200.000	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	62.082.765.992	41.879.791.174
1. Hàng tồn kho	141		62.082.765.992	41.879.791.174
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		17.286.807.017	9.386.389.287
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6.576.598.608	3.228.176.272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.453.297.074	4.840.430.275
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	1.256.911.335	1.317.782.740
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		808.894.222.231	538.119.396.361
I Các khoản phải thu dài hạn	210		89.507.755.255	49.148.572.202
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	27.631.204.018	13.400.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	61.876.551.237	35.748.572.202
II Tài sản cố định	220		61.792.173.818	46.297.424.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	49.987.385.349	34.134.539.630
- Nguyên giá	222		168.566.646.391	139.292.197.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.579.261.042)	(105.157.657.603)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	-	-
- Nguyên giá	225		328.437.146	328.437.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(328.437.146)	(328.437.146)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	11.804.788.469	12.162.884.544
- Nguyên giá	228		14.745.212.765	14.708.512.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.940.424.296)	(2.545.628.221)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.024.044.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.024.044.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	72.965.791.888	40.626.220.060
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		43.094.491.888	24.286.220.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.871.300.000	16.340.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		583.604.457.270	402.047.179.925
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	405.352.251.523	315.884.187.099
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	178.252.205.747	86.162.992.826
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.346.232.403.597	866.321.670.815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		922.115.035.468	478.886.625.927
I- Nợ ngắn hạn	310		747.553.624.687	447.561.193.820
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	212.282.646.792	150.669.232.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.752.166.184	3.438.916.870
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	14.278.991.750	7.315.171.358
4. Phải trả người lao động	314		7.967.087.083	5.293.872.296
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.657.780.734	994.709.610
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.098.940.376	4.167.545.780
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	498.953.877.966	275.119.611.700
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II- Nợ dài hạn	330		174.561.410.781	31.325.432.107
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	33.547.350.781	30.089.432.107
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	139.340.060.000	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.27	1.674.000.000	1.236.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		424.117.368.129	387.435.044.888
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	424.117.368.129	387.435.044.888
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.768.793.833	1.776.564.318
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.927.297.144	8.194.908.379
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		726.999.979	(10.635.488.878)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		44.200.297.165	18.830.397.257
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		2.592.207.052	2.634.502.091
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.346.232.403.597	866.321.670.815

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Vũ Văn Thắng

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.959.197.338.621	1.377.483.080.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		49.255.525.062	41.004.757.587
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	1.909.941.813.559	1.336.478.322.448
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.501.059.086.520	1.079.617.678.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		408.882.727.039	256.860.644.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	4.142.411.997	1.896.063.961
7. Chi phí tài chính	22	5.22	20.956.309.875	12.886.217.700
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.205.602.554	12.045.490.867
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		9.342.975.717	7.810.369.401
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	279.257.845.593	187.499.633.548
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	83.396.783.059	60.096.391.574
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		38.757.176.226	6.084.834.892
12. Thu nhập khác	31	5.25	22.998.854.299	22.688.840.404
13. Chi phí khác	32	5.25	66.965.414	311.131.818
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		22.931.888.885	22.377.708.586
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		61.689.065.111	28.462.543.478
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	16.638.833.470	12.558.951.071
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		900.000.000	400.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		44.150.231.641	15.503.592.407
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.110.042.557	18.830.397.257
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		40.189.084	(3.326.804.850)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	1.181	504

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Vũ Văn Thắng

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017		Năm 2016
		VND	VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	1	61.689.065.111		28.462.543.478
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	13.270.191.962		10.536.050.709
- Các khoản dự phòng	3	-		500.000.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(12.838.412.886)		(18.802.366.218)
- Chi phí lãi vay	6	19.205.602.554		12.045.490.867
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	81.326.446.741		32.741.718.836
- Biến động các khoản phải thu	9	(164.104.786.080)		(13.833.594.805)
- Biến động hàng tồn kho	10	(20.202.974.818)		(1.580.496.816)
- Biến động các khoản phải trả	11	67.239.802.365		21.838.550.746
- Biến động chi phí trả trước	12	(92.816.486.760)		(39.935.044.600)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.997.840.369)		(11.688.672.544)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.885.672.214)		(9.944.171.711)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.418.166.440		18.564.222.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-		(2.306.737.861)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(115.023.344.695)</i>		<i>(6.144.226.755)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.681.897.744)		(13.039.692.061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	12.666.577.732		16.938.324.257
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(272.405.000.000)		(45.675.600.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	176.820.600.000		11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(147.626.620.000)		(36.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.880.000.000		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.851.196.958		346.102.939
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(235.495.143.054)</i>		<i>(66.430.864.865)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.376.053.457.894		1.462.881.882.570
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.012.879.131.628)		(1.384.125.067.875)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.441.084.020)		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>355.733.242.246</i>		<i>78.756.814.695</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>5.214.754.497</i>		<i>6.181.723.075</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.745.784.751		50.564.061.676
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>61.960.539.248</u>		<u>56.745.784.751</u>

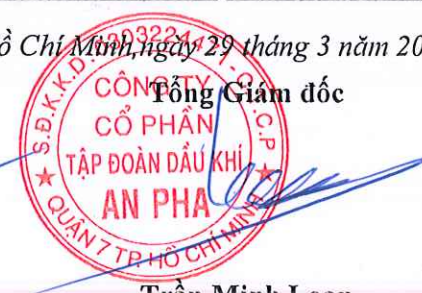
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Văn Thắng

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015. Sở hữu vốn tại ngày 31/12/2017:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp	Tỷ lệ đã góp (%)
	đến 31/12/2017 VND	
I. Các cổ đông	373.399.290.000	100,00%
Các cổ đông lớn	201.865.260.000	54,06%
1 Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	48,20%
2 Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	5,86%
Các cổ đông nhỏ	171.534.030.000	45,94%
1 Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	1,25%
2 Các cổ đông khác	166.860.030.000	44,69%
Tổng	373.399.290.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của nhóm Công ty trong năm 2017: Mua bán, phân phối, nhập khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty con được hợp nhất và công ty liên kết như sau:

Các Công ty con trực tiếp:

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,51 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,51 %

Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)

- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định
- Địa chỉ	:	Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	98,42%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	98,42%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty CP Nam Gas
- Địa chỉ	:	40/18 Ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, Tp.HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%

Danh sách các Công ty liên kết:

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Bình khí Hong Vina
- Địa chỉ	:	295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	35%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Ngọn Lửa Thân
- Địa chỉ	:	Số 4 Tôn Đức Thắng, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	20 %
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	20 %
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang
- Địa chỉ	:	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%

1.3. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát
- Địa chỉ	:	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt
- Địa chỉ	:	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm, Công ty đầu tư gián tiếp vào Công ty Cổ phần Nam Gas với tổng số lượng cổ phiếu là 2.997.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, tương ứng số vốn điều lệ là 29.997.000.000 đồng, chiếm 99,99% tổng vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nam Gas. Công ty mua với giá 45.000 đồng/CP, tương ứng với giá mua là 134.865.000.000 đồng. Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch này là 120.073.777.941 đồng.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

	2017
	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Hao mòn của tài sản cố định vô hình phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vỏ bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vỏ bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

-4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	7.979.112.024	3.784.790.816
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.981.427.224	52.960.993.935
Tổng	61.960.539.248	56.745.784.751

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.2 Đầu tư chứng khoán đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	127.860.000.000	127.860.000.000	32.275.600.000	32.275.600.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	127.860.000.000	127.860.000.000	32.275.600.000	32.275.600.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	127.860.000.000	127.860.000.000	32.275.600.000	32.275.600.000

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng, lãi suất từ 4,8% đến 5,7%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính: hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	194.949.429.432	166.936.835.739
Công ty CP Năng Lượng An Phú	30.425.942.700	31.580.535.697
Công ty TNHH TM và Xây Lắp 3M	2.082.780.570	3.248.893.150
Công ty Dầu Khí Bắc VinaShin	1.199.617.606	1.199.617.606
Công ty TNHH Hal Việt Nam	612.584.361	908.226.004
Công ty TNHH Sứ INAX Việt Nam	28.557.549.192	13.519.811.730
Công ty TNHH Computer Mitac Việt Nam	-	1.846.595.064
Công ty TNHH TMDV Điện Quang	2.471.723.843	3.971.723.843
Công ty TNHH Vinh Quang	2.725.238.751	3.239.466.334
Công ty TNHH Thành Đạt	4.301.363.618	2.707.253.748
Công ty KHL Hà Nam	1.693.222.774	1.703.222.774
Cửa hàng Gas và Bếp Gas Hoàng Hi	5.638.126.720	3.343.998.076
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Tân Đại Phát	6.276.853.945	-
DNTN Đặng Toàn	11.866.477.178	2.062.104.335
Công ty TNHH MTV Minh Gia	1.777.644.541	15.373.887.811
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh	4.141.122.251	3.174.539.473
Khách hàng khác	91.179.181.382	79.056.960.094
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	194.949.429.432	166.936.835.739

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	10.600.000.000	3.684.604.375
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển An Pha	-	3.684.604.375
Công ty TNHH MTV Minh Gia	10.200.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ	200.000.000	-
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Đình	200.000.000	-
b) Phải thu cho vay dài hạn	27.631.204.018	13.400.000.000
Doanh Nghiệp Tư nhân Đặng Toàn	13.400.000.000	13.400.000.000
Công ty CP SX TM Và KD Thành Đạt	5.370.000.000	-
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000	-
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Tân Đại Phát	4.261.204.018	-
Tổng	38.231.204.018	17.084.604.375

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	48.445.077.265	-	16.138.146.446	-
- Tạm ứng	26.010.650.959	-	3.663.229.353	-
- Phải thu lãi cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha	-	-	2.221.742.590	-
- Ký cược, ký quỹ	1.389.913.000	-	209.913.000	-
- Ứng tiền cho Ông Trần Minh Loan mua Cổ phần Công ty Đông Phương	9.410.327.455	-	9.410.327.455	-
- Công ty CP Sài Gòn Cửu Long	4.932.760.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đặng Toàn	4.450.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	2.251.425.851	-	632.934.048	-
Dài hạn	61.876.551.237	-	35.748.572.202	-
- Ký cược, ký quỹ	24.623.323.679	-	9.190.497.519	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan [1]	19.443.227.558	-	24.448.722.683	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu [2]	3.685.000.000	-	-	-
- Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa [3]	4.780.000.000	-	-	-
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty HONGVINA	9.345.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	2.109.352.000	-
Tổng	110.321.628.502	-	51.886.718.648	-

[1] Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan. Trong năm, Công ty thực hiện giảm nợ với số tiền là 5.000.000.000 đồng theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 19/10/2017.

[2] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25 tháng 12 năm 2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[3] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	318.837.955	-	388.856.912	-
Công cụ, dụng cụ	1.621.808.890	-	2.073.592.164	-
Chi phí SX KDDD	467.852.224	-	1.265.800.000	-
Hàng hóa	59.674.266.923	-	38.151.542.098	-
Tổng	62.082.765.992	-	41.879.791.174	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.576.598.608	3.228.176.272
- Phí bảo lãnh mua LPG	390.442.799	138.022.197
- Chi phí thuê văn phòng và khác	6.186.155.809	3.090.154.075
b) Dài hạn	405.352.251.523	315.884.187.099
- Chi phí mua vỏ chai LPG	354.598.427.618	237.037.723.957
- Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG	39.335.834.200	69.423.667.059
- Chi phí thuê đất dài hạn	3.897.833.739	1.600.432.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	7.520.155.966	7.822.364.083
Tổng	411.928.850.131	319.112.363.371

5.8 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2017	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	31/12/2017
Phải nộp	7.315.171.358	49.290.425.591	42.326.605.199	14.278.991.750
Thuế GTGT	1.277.488.994	30.658.910.633	29.650.253.534	2.286.146.093
Thuế xuất, nhập khẩu	-	506.395.277	506.395.277	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.826.313.931	16.638.833.470	10.885.672.214	11.579.475.187
Thuế thu nhập cá nhân	211.368.433	1.404.941.626	1.240.784.174	375.525.885
Các loại thuế khác	-	81.344.585	43.500.000	37.844.585
Phải thu	1.317.782.740	11.853.208.157	11.792.336.752	1.256.911.335
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.744.199.851	11.744.463.186	263.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.194.617.881	-	-	1.194.617.881
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	85.513.476	72.993.600	47.873.566	60.393.442
Các khoản khác phải thu nhà nước	37.651.383	36.014.706	-	1.636.677

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	21.464.222.718	75.617.618.002	41.245.796.588	964.559.925	139.292.197.233
Tăng trong năm	3.900.517.675	10.542.368.000	21.735.795.743	429.489.000	36.608.170.418
Mua trong năm	-	1.188.950.000	13.113.553.744	318.650.000	14.621.153.744
Tặng do hợp nhất kinh doanh	3.900.517.675	9.353.418.000	8.622.241.999	110.839.000	21.987.016.674
Giảm trong năm	-	2.592.821.293	4.740.899.967	-	7.333.721.260
Thanh lý nhượng bán	-	2.592.821.293	4.740.899.967	-	7.333.721.260
Số dư tại 31/12/2017	25.364.740.393	83.567.164.709	58.240.692.364	1.394.048.925	168.566.646.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	17.586.368.977	56.314.804.261	30.321.939.005	934.545.360	105.157.657.603
Tăng trong năm	1.792.063.296	7.548.483.274	7.600.277.685	135.138.640	17.075.962.895
Khấu hao trong năm	1.194.467.588	5.783.769.939	5.811.048.841	86.109.519	12.875.395.887
Tặng do hợp nhất kinh doanh	597.595.708	1.764.713.335	1.789.228.844	49.029.121	4.200.567.008
Giảm trong năm	-	1.451.435.091	2.202.924.365	-	3.654.359.456
Thanh lý nhượng bán	-	1.451.435.091	2.202.924.365	-	3.654.359.456
Số dư tại 31/12/2017	19.378.432.273	62.411.852.444	35.719.292.325	1.069.684.000	118.579.261.042
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	3.877.853.741	19.302.813.741	10.923.857.583	30.014.565	34.134.539.630
Tại ngày 31/12/2017	5.986.308.120	21.155.312.265	22.521.400.039	324.364.925	49.987.385.349



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	328.437.146	328.437.146
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>328.437.146</u>	<u>328.437.146</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	328.437.146	328.437.146
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>328.437.146</u>	<u>328.437.146</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-

5.11 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	14.562.637.765	145.875.000	14.708.512.765
Tăng trong năm	-	36.700.000	36.700.000
Mua trong năm	-	36.700.000	36.700.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>14.562.637.765</u>	<u>182.575.000</u>	<u>14.745.212.765</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	2.505.128.221	40.500.000	2.545.628.221
Tăng trong năm	319.464.480	75.331.595	394.796.075
Khấu hao trong năm	319.464.480	75.331.595	394.796.075
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>2.824.592.701</u>	<u>115.831.595</u>	<u>2.940.424.296</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	<u>12.057.509.544</u>	<u>105.375.000</u>	<u>12.162.884.544</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>11.738.045.064</u>	<u>66.743.405</u>	<u>11.804.788.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Lợi thế thương mại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tại ngày 01 tháng 01	86.162.992.826	77.871.532.102
Tăng trong năm	120.073.777.941	31.291.617.119
Phân bổ trong năm	27.984.565.020	23.000.156.395
Tại ngày 31 tháng 12	178.252.205.747	86.162.992.826

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2017		Đơn vị tính: VND 01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	212.282.646.792	212.282.646.792	150.669.232.404	150.669.232.404
<i>1. Phải trả người bán</i>				
<i>> 10%/tổng số</i>	-	-		-
Công ty TNHH Lộc Hóa				
Dầu Bình Sơn	47.802.151.064	47.802.151.064	33.100.705.457	33.100.705.457
Công ty CP Kinh Doanh				
Sản Phẩm Khí	83.601.586.093	83.601.586.093	53.572.691.894	53.572.691.894
Công ty Cổ phần dầu				
Khí Đông Phương	-	-	4.440.518.866	4.440.518.866
Công ty TNHH Bình				
Khí Đốt HongVina	14.281.436.400	14.281.436.400	1.169.822.500	1.169.822.500
Công ty TNHH Năng				
Lượng Bảo Thanh	5.134.345.200	5.134.345.200	7.518.418.500	7.518.418.500
<i>2. Phải trả người bán</i>				
<i>< 10%/tổng số</i>				
Các đối tượng khác	61.463.128.035	61.463.128.035	50.867.075.187	50.867.075.187
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	212.282.646.792	212.282.646.792	150.669.232.404	150.669.232.404

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.657.780.734	994.709.610
Chi phí lãi vay	2.200.451.795	992.689.610
Chi phí trích trước sản xuất	457.328.939	2.020.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng	2.657.780.734	994.709.610

5.16 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.098.940.376	4.167.545.780
Kinh phí công đoàn	146.980.249	200.546.968
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	263.428.747	315.316.111
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	669.904.549	643.080.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.018.626.831	3.008.602.532
b) Dài hạn	33.547.350.781	30.089.432.107
Nhận ký quỹ, ký cược vô bình gas	33.547.350.781	30.089.432.107
Tổng	38.646.291.157	34.256.977.887



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngân hàng	498.953.877.966	498.953.877.966	1.373.068.849.894	1.149.234.583.628	275.119.611.700	275.119.611.700	275.119.611.700
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation Chi nhánh Hà Nội [1]	34.193.731.580	34.193.731.580	160.626.380.018	177.011.976.963	50.579.328.525	50.579.328.525	50.579.328.525
NH Bangkok Hà Nội [2]	125.332.715.927	125.332.715.927	326.531.858.719	262.905.361.314	61.706.218.522	61.706.218.522	61.706.218.522
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	-	7.000.000.000	37.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
BANGKOK BANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh [3]	49.353.425.407	49.353.425.407	79.519.208.244	30.165.782.837	-	-	-
Ngân hàng TMCP MIB-CN Long Biên Công ty Saisan [4]	113.675.000.000	113.675.000.000	250.085.000.000	136.410.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
MIZUHO BANK - CN HCM [5]	109.133.048.517	109.133.048.517	392.331.754.934	391.264.417.030	108.065.710.613	108.065.710.613	108.065.710.613
TOKYO-MITSUBISHI BANK - CN HCM [6]	67.265.956.535	67.265.956.535	156.974.647.979	108.977.045.484	19.268.354.040	19.268.354.040	19.268.354.040
b) Vay dài hạn	139.340.060.000	139.340.060.000	139.394.608.000	54.548.000	-	-	-
Công ty Saisan [7]	136.410.000.000	136.410.000.000	136.410.000.000	-	-	-	-
BANGKOK BANK - Chi nhánh Hà Nội [2]	2.330.000.000	2.330.000.000	2.330.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	600.060.000	600.060.000	654.608.000	54.548.000	-	-	-
Tổng	638.293.937.966	638.293.937.966	1.512.463.457.894	1.149.289.131.628	275.119.611.700	275.119.611.700	275.119.611.700

[1] Hợp đồng cấp tín dụng số HNI-16-116 ngày 06/01/2017, Bao gồm: hạn mức số 1 là Hạn mức vay ngân hàng với số tiền vay: 5.000.000 USD, thời hạn giải ngân: 31/1/2018. Kỳ hạn tối đa 12 tháng. Mục đích vay: Hỗ trợ vốn lưu động và thanh toán L/C phát hành bởi SMBC. Lãi suất quy định chi tiết tại từng lần nhận nợ. Hạn mức số 2 là hạn mức Thư tín dụng thương mại nhập khẩu với số tiền vay 2.000.000 USD, lãi suất quy định chi tiết tại từng lần nhận nợ, Thời hạn vay: Thời hạn trả L/C trả ngay lên đến 12 tháng; thời hạn trả L/C trả chậm lên đến 3 tháng. Hạn mức số 3 là hạn mức Bảo lãnh ngân hàng với số tiền vay: 3.000.000 USD, lãi suất cho vay quy định chi tiết tại từng lần nhận nợ, thời hạn tối đa 14 tháng. Mục đích: phát hành thư bảo lãnh ngân hàng, đặc biệt là bảo lãnh thanh toán cho nhà cung cấp.

244
 3 T
 H
 IDA
 PH
 (00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[2] Thỏa thuận tín dụng số BBL-HN 02/2016 ngày 03/03/2016 với tổng hạn mức: 10.000.000 USD, Mục đích: Tài trợ nhu cầu vốn huy động và các chi phí hoạt động khác được ngân hàng chấp thuận, Lãi suất: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng, Thời hạn vay: Tùy vào mục đích sử dụng vốn vay có ghi chi tiết trên hợp đồng, Khoản vay được bảo lãnh bằng Thư tín dụng dự phòng trị giá 10.000.000 USD do Ngân hàng Saitama Bank Limited phát hành.

Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/3/2017, hạn mức tín dụng là 7.000.000 USD; Cấp bổ sung khoản vay trung hạn là 2.330.000.000 đồng để xây dựng Bể chứa khí gas mới. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất theo Chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 2%/năm.

Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03 ngày 25/12/2017, thời hạn giải ngân của Khoản vay Trung hạn được gia hạn đến ngày 31/1/2018.

[3] Công ty vay ngân hàng Bangkok ngày 17 tháng 07 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Lãi suất: Chi phí vốn + 0,5% một năm, được tính và trả vào mỗi tháng. Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/ năm.

[4] Công ty vay ngắn hạn Công ty TNHH Saisan theo hợp đồng vay vốn ngày 20/09/2017. Khoản vay ngắn hạn trị giá lên đến 5.000.000 USD, lãi suất 2%/ năm. Ngày đáo hạn là ngày sau 11 tháng sau ngày của hợp đồng, nghĩa là ngày 20/09/2018. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay do bên cho vay quy định tính theo %/năm, và lãi suất này có định.

[5] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/12/2014:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 7.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức : Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh.

- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động

- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.

- Ngày hết hạn giải ngân : 22/12/2015. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.

- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty TNHH Saisan, Tky.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[6] Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/082/15 được ký giữa Công ty và Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 7.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.

- Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 01/04/2015 đến ngày 16/03/2016.

- Lãi suất : 0,5%/ năm trên chi phí vốn của ngân hàng.

- Phí phát hành thư bảo lãnh : 1% một năm(tính theo số tháng của kỳ bảo lãnh) tối thiểu 520.000 VND.

[7] Công ty vay ngắn hạn Công ty TNHH Saisan theo hợp đồng vay vốn ngày 03/01/2017. Khoản vay ngắn hạn trị giá lên đến 6.000.000 USD, lãi suất 2%/ năm. Ngày đáo hạn là ngày sau 11 tháng sau ngày của hợp đồng, nghĩa là ngày 31/12/2017. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay do bên cho vay quy định tính theo %/năm, và lãi suất này cố định. Phụ lục hợp đồng 01 ngày 10/08/2017 chuyển đổi từ hạn trả lãi được tính lãi 6 tháng 1 lần. Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02 ngày 30/10/2017, gia hạn khoản vay 6.000.000 USD gia hạn thời hạn vay đến ngày 25/12/2024.

31
TY
H
AN
NAM
1-VI



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.695.629.093	(10.635.488.878)	10.576.456.629	376.465.666.944
Tăng trong năm	-	-	-	80.935.225	18.830.397.257	(3.326.804.850)	15.584.527.632
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	18.830.397.257	(3.326.804.850)	15.503.592.407
Tăng khác	-	-	-	80.935.225	-	-	80.935.225
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.615.149.688	4.615.149.688
Giảm khác	-	-	-	-	-	4.615.149.688	4.615.149.688
Số dư tại 31/12/2016	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.776.564.318	8.194.908.379	2.634.502.091	387.435.044.888
Số dư tại 01/01/2017	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.776.564.318	8.194.908.379	2.634.502.091	387.435.044.888
Tăng trong năm	-	-	-	-	44.200.297.165	47.959.569	44.248.256.734
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	44.110.042.557	40.189.084	44.150.231.641
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	90.254.608	7.770.485	98.025.093
Giảm trong năm	-	-	-	7.770.485	7.467.908.400	90.254.608	7.565.933.493
Chia cổ tức	-	-	-	-	7.467.908.400	-	7.467.908.400
Giảm do hợp nhất	-	-	-	7.770.485	-	90.254.608	98.025.093
Số dư tại 31/12/2017	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	1.768.793.833	44.927.297.144	2.592.207.052	424.117.368.129

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Saisan	179.984.260.000	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	21.881.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.674.000.000	4.727.000.000
Các cổ đông khác	346.844.290.000	346.791.290.000
Tổng	373.399.290.000	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.467.908.400

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.768.793.833	1.776.564.318
Tổng	1.768.793.833	1.776.564.318

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán gas (LPG)	1.902.081.901.830	1.341.854.568.040
Doanh thu bán hàng khác	40.461.553.496	14.508.621.659
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	11.210.934.574	14.319.278.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.442.948.721	6.800.612.245
Tổng	1.959.197.338.621	1.377.483.080.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	49.255.525.062	41.004.757.587
- Chiết khấu thương mại	49.255.525.062	41.004.757.587
Doanh thu thuần	1.909.941.813.559	1.336.478.322.448

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán gas (LPG)	1.464.804.259.542	1.067.269.033.613
Giá vốn bán hàng khác	34.353.300.055	9.114.353.423
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.901.526.923	3.234.291.060
Tổng	1.501.059.086.520	1.079.617.678.096

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.851.006.958	1.864.041.961
Lãi bán khoản đầu tư	190.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	291.215.039	32.022.000
Tổng	4.142.411.997	1.896.063.961

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	19.205.602.554	12.045.490.867
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.750.707.321	668.784.242
Chi phí tài chính khác	-	171.942.591
Tổng	20.956.309.875	12.886.217.700

5.23 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	113.884.910.356	63.566.519.318
Chi phí phân bổ mua vỏ bình gas	57.788.283.173	49.945.899.789
Phí thay van, sửa, kiểm định vỏ bình gas	17.485.897.687	22.827.445.365
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.218.253.876	2.680.370.643
Chi phí bán hàng khác	85.880.500.501	48.479.398.433
Tổng	279.257.845.593	187.499.633.548

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lương nhân viên	14.299.656.437	12.123.409.788
Chi phí khấu hao TSCĐ	497.969.195	1.033.389.921
Phân bổ lợi thế thương mại	27.984.565.020	16.497.464.018
Chi phí quản lý khác	40.614.592.407	30.442.127.847
Tổng	83.396.783.059	60.096.391.574

5.25 Thu nhập/chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	8.987.215.928	16.938.324.257
Các khoản khác	14.011.638.371	5.750.516.147
Tổng	22.998.854.299	22.688.840.404
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	66.965.414	311.131.818
Tổng	66.965.414	311.131.818
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	22.931.888.885	22.377.708.586

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.689.065.111	28.462.543.478
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>46.166.543.628</i>	<i>21.978.641.192</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>46.166.543.628</i>	<i>21.978.641.192</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>15.207.298.671</i>	<i>2.033.972.554</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>15.207.298.671</i>	<i>2.033.972.554</i>
Thu nhập chịu thuế	92.648.310.068	48.407.212.116
<i>Trong đó</i>		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>9.454.142.718</i>	<i>(10.907.725.039)</i>
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>83.194.167.350</i>	<i>59.314.937.155</i>
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16.638.833.470	11.862.987.431
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	695.963.640
Thuế TNDN hiện hành	16.638.833.470	12.558.951.071

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.27 Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.674.000.000	1.236.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.674.000.000	1.236.000.000

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.110.042.557	18.830.397.257
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.110.042.557	18.830.397.257
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.181	504

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.903.368.000	1.689.682.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Anpha	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	155.797.355
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Mua, sơn, sửa, kiểm định vỏ chai LPG	52.432.296.000	
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG	18.365.666.734	
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Cho vay	5.370.000.000	
		Bán LPG	45.124.152.729	
		Cho vay	4.600.000.000	
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	35.547.618.749	
		Cho vay	4.261.204.018	
Phải thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Thù hồi, bù trừ nợ	5.005.495.125	
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Cho vay	250.085.000.000	-

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu				
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển An Pha	Công ty liên kết	Nợ tiền vay	-	3.684.604.375
	Công ty liên kết	Nợ tiền lãi vay	-	2.221.742.590
Công ty CP SX TM và Kinh Doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG	4.301.363.618	2.707.253.748
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Nợ tiền vay vay	5.370.000.000	-
		Bán LPG	2.725.238.751	3.239.466.334
		Nợ tiền vay vay	4.600.000.000	-
Công ty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	8.201.853.945	1.925.000.000
		Nợ tiền vay vay	4.261.204.018	-
Phải thu ông Trần Minh Loan	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Trả thay phải thu Công ty Xăng Dầu An Pha	19.443.227.558	24.448.722.683
		Phải thu lại tiền ứng mua Cổ phần Công ty Xăng Dầu Đông Phương	9.410.327.455	9.410.327.455
Phải trả				
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	Công ty liên kết	Tiền mua, Sửa chữa, kiểm định vỏ chai LPG	14.281.436.400	1.169.822.500
Công ty Saisan	Cổ đông lớn	Nợ vay	250.085.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.960.539.248	56.745.784.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	330.730.215.363	223.136.112.173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.860.000.000	32.275.600.000
Tổng	520.550.754.611	312.157.496.924
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	638.293.937.966	275.119.611.700
Phải trả người bán và phải trả khác	250.928.937.949	184.926.210.291
Chi phí phải trả	2.657.780.734	994.709.610
Tổng	891.880.656.649	461.040.531.601

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	217.381.587.168	33.547.350.781	250.928.937.949
Chi phí phải trả	2.657.780.734	-	2.657.780.734
Các khoản vay	498.953.877.966	139.340.060.000	638.293.937.966
Tổng	718.993.245.868	172.887.410.781	891.880.656.649
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	154.836.778.184	30.089.432.107	184.926.210.291
Chi phí phải trả	994.709.610	-	994.709.610
Các khoản vay	275.119.611.700	-	275.119.611.700
Tổng	430.951.099.494	30.089.432.107	461.040.531.601

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.960.539.248	-	61.960.539.248
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.222.460.108	89.507.755.255	330.730.215.363
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127.860.000.000	-	127.860.000.000
Tổng	431.042.999.356	89.507.755.255	520.550.754.611
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.745.784.751	-	56.745.784.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	173.987.539.971	49.148.572.202	223.136.112.173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.275.600.000	-	32.275.600.000
Tổng	263.008.924.722	49.148.572.202	312.157.496.924

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Thắng

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan

